

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 04 - 5 - 2020
V/v yêu cầu không công nhận quan
hệ vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn

2. Ông Trịnh Văn Thọ

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về "yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06/4/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị H Thị N, sinh năm 1971, địa chỉ: xóm , xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn L, sinh năm 1971, nơi ĐKKHKT: xóm , xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Là người bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 26/2019/QĐDS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/12/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị H Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh Trịnh Văn L có quan hệ là vợ chồng,

lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào ngày 04/6/1991, nhưng không làm đăng ký kết hôn; Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong sinh hoạt và kinh tế gia đình khó khăn, anh L đi làm ăn xa, rất ít khi về thăm vợ con và gia đình. Đến tháng 11 năm 2015 anh L đã bỏ nh đi khỏi địa phương, mà không tin tức gì cho chị và gia đình biết. Chị đã đi tìm kiếm, hỏi han nhiều nơi nhưng không có tin tức gì về anh L. Đến tháng 4 năm 2019 chị có đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân giải quyết tuyên bố anh Trịnh Văn L mất tích. Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã đăng tin tìm kiếm anh Trịnh Văn L trên báo Nhân Dân và trên Đài tiếng nói Việt Nam theo quy định, nhưng vẫn không có tin tức gì về anh L, nên ngày 16/8/2019 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã giải quyết, tuyên bố anh Trịnh Văn L mất tích; đến nay vẫn không có tin tức về anh L, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: chị N xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Trịnh Thị Thu H, sinh ngày 09/01/1991 và cháu Trịnh Ha N, sinh ngày 10/9/2000; Quan điểm của chị là các con đều đã trưởng thành, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trịnh Văn L là người đã bị tuyên bố mất tích; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nhưng không có tin tức gì về anh L và đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định.

Tại biên bản xác minh ngày 06/02/2020, đại diện Ủy ban nhân dân xã X cho biết: Chị H Thị N và anh Trịnh Văn L có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 và đã có 02 con chung, nhưng chị N và anh L không đăng ký kết hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình, Về hôn nhân: Đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H Thị N và anh Trịnh Văn L; Về con chung: chị H Thị N và anh Trịnh Văn L có 02 (hai) con chung là Trịnh Thị Thu H, sinh ngày 09/01/1991 và cháu Trịnh Ha N, sinh ngày 10/9/2000, hiện 02 con chung đều đã thành niên và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; Về tài sản và công nợ: không xem xét; Về án phí: chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình; bị đơn là anh Trịnh Văn L, có hộ khẩu thường trú tại: xã X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (hiện anh L là người đã bị Tòa án tuyên bố mất tích), nên xác định vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, không có tin tức xác thực về anh L, nên căn cứ vào Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục, nhưng anh chị không làm đăng ký kết hôn theo quy định; anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và vấn đề kinh tế. Từ tháng 11/2015 anh L đã bỏ nhà đi biệt tích khỏi địa phương và hiện tại đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích, đến nay vẫn không có tin tức về anh L. Nay chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng: quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L là vi phạm quy định về “đăng ký kết hôn” tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ vào Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H Thị N và anh Trịnh Văn L.

[3] Về con chung: Chị H Thị N và anh Trịnh Văn L có 02 (hai) con chung là cháu Trịnh Thị Thu H, sinh ngày 09/01/1991 và cháu Trịnh Ha N, sinh ngày 10/9/2000. Hiện cả 02 con chung của vợ chồng đều đã thành niên, chị N không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chị H Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết; trong khi anh L là người mất tích, không có lời khai trong hồ sơ. Do đó không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình,

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H Thị N và anh Trịnh Văn L.

2. *Về con chung*: Chị H Thị N và anh Trịnh Văn L có 02 (hai) con chung là cháu Trịnh Thị Thu H, sinh ngày 09/01/1991 và cháu Trịnh Ha N, sinh ngày 10/9/2000. Hiện cả 02 con chung của vợ chồng đều đã tHnh niên, chị N không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị H Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0004805 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị H Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến